

Số: 110 /QĐ-HĐTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh
Nhiệm kỳ 1 (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;
- Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;
- Căn cứ vào công văn 884/SDTTG-PG ngày 31/03/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ vào tờ trình số 138/BTS-VP ngày 13/04/2026 của Ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh về việc đề xuất chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 1 (2026-2031).

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 1 (2026-2031), gồm 19 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 04 thành viên Cố vấn Ban Trị sự; 105 thành viên Ban Trị sự (*Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị*) do Hoà thượng Thích Lệ Trang làm Trưởng ban.
- Điều 2:** Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN Thành phố Hồ Chí Minh và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND TP. Hồ Chí Minh;
- UBMTTQVN TP. Hồ Chí Minh;
- Sở DDTG TP. Hồ Chí Minh;
- PA02 CA TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHIỆM KỲ 1 (2026-2031)

(Theo Quyết định số 110 /QĐ-HĐTS ngày 17/04/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 19 vị

1. Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quảng
2. Trưởng lão Hòa thượng Thích Như Niệm
3. Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Thông
4. Trưởng lão Hòa thượng Thích Tâm Từ
5. Trưởng lão Hòa thượng Thích Huệ Thông
6. Trưởng lão Hòa thượng Thích Quảng Hiến
7. Trưởng lão Hòa thượng Thích Như Thị
8. Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Chơn
9. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Tùng
10. Trưởng lão Hòa thượng Thích Huệ Văn
11. Hòa thượng Thích Giác Hạnh
12. Hòa thượng Thích Thiện Tâm
13. Hòa thượng Thích Trí Châu
14. Hòa thượng Thích Thiện Phước
15. Hòa thượng Thích Huệ Trung
16. Hòa thượng Thích Thiện Đức
17. Hòa thượng Thích Minh Thuần
18. Hòa thượng Thích Thiện Duyên
19. Hòa thượng Thích Nhựt Hỷ

B. BAN CỐ VẤN: 04 vị

1. Hòa thượng Thích Huệ Thông
2. Hòa thượng Thích Giác Pháp
3. Hòa thượng Minh Giác
4. Hòa thượng Thích Huệ Công



C. BAN TRỊ SỰ: 105 vị**I. Ban Thường trực: 35 vị**

STT	Pháp danh/ Thế danh	Năm sinh	Chức vụ
1	HT. Thích Lệ Trang (Lê Văn Giới)	1958	Trưởng ban BTS kiêm Trưởng ban Ban Tăng sự
2	TT. Thích Thanh Phong (Phạm Đức Phong)	1968	Phó Trưởng ban Thường trực
3	HT. Danh Lung (EKASUVANNA)	1964	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, phụ trách hệ phái Nam tông Khmer
4	TT. Thích Minh Hạnh (Nguyễn Thanh Tâm)	1964	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, phụ trách hệ phái Nam tông Kinh
5	TT. Thích Minh Lực (Nguyễn Hoàng Trung)	1967	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, phụ trách Hệ phái Khất sĩ
6	TT. Thích Thiện Quý (Huỳnh Văn Phương)	1969	Phó Trưởng ban kiêm Chánh Thư ký Ban Trị sự
7	TT. Thích Quang Thạnh (Trần Xuân Nhàn)	1968	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
8	TT. Thích Nhật Từ (Trần Ngọc Thảo)	1969	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
9	TT. Thích Nhuận Nghĩa (Trần Ngọc Hơn)	1975	Phó Trưởng ban Ban Trị sự
10	ĐD. Thích Thiện Hưng (Trần Huỳnh Hoàng Long)	1985	Phó Trưởng ban Ban Trị sự, phụ trách Hành chánh khu vực tỉnh Bình Dương (cũ)
11	TT. Thích Trung Nguyên (Trương Thanh Bình)	1978	Phó Chánh Thư ký kiêm Chánh Văn phòng Ban Trị sự
12	TT. Thích Trí Định (Trương Minh Ký)	1965	Phó Chánh Thư ký Ban Trị sự, phụ trách Văn phòng khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)
13	ĐD. Thích Huệ Nghiêm (Tô Thanh Tuấn)	1996	Phó Chánh Thư ký Ban Trị sự, phụ trách Văn phòng khu vực tỉnh Bình Dương (cũ)
14	TT. Thích Truyền Cường (Trần Đức Cường)	1968	Ủy viên Thường trực, phụ trách Phật giáo người Hoa

15	TT. Thích Đạt Đức (Lê Anh)	1964	Ủy viên Thường trực kiêm Trưởng ban Ban Giáo dục Phật giáo
16	TT. Thích Thiện Thuận (Võ Liêu)	1970	Ủy viên Thường trực, phụ trách Hoằng pháp - Hướng dẫn Phật tử
17	TT. Thích Trí Chơn (Trần Quang Luận)	1963	Ủy viên Thường trực, phụ trách Văn hóa - Nghi lễ
18	HT. Thích Hiền Đức (Lê Minh Châu)	1960	Ủy viên Thường trực, phụ trách Kinh tế tài chánh - Từ thiện xã hội
19	TT. Thích Chơn Phát (Lương Thanh Liêm)	1972	Ủy viên Thường trực kiêm Trưởng ban Ban Phật giáo Quốc tế
20	TT. Thích Nhuận Trí (Nguyễn Quang Tâm)	1970	Ủy viên Thường trực, phụ trách Pháp chế - Kiểm soát
21	HT. Thích Giác Trí (Võ Hữu Trí)	1962	Ủy viên Thường trực
22	TT. Giác Trí (Phan Vĩnh Phong)	1965	Ủy viên Thường trực
23	TT. Thích Quảng Chơn (Trần Kim Tuấn)	1967	Ủy viên Thường trực
24	TT. Thích Giác Hiệp (Lê Văn Điều)	1968	Ủy viên Thường trực
25	TT. Thích Thiện Hạnh (Lý Văn Ty)	1969	Ủy viên Thường trực
26	TT. Quách Thành Sattha (Quách Thành Sattha)	1970	Ủy viên Thường trực
27	TT. Thích Trung Sơn (Lê Cao Quý)	1970	Ủy viên Thường trực
28	TT. Thích Tâm Hải (Nguyễn Đức Sơn)	1974	Ủy viên Thường trực
29	TT. Thích Minh Cần (Trần Ngọc Thảo)	1974	Ủy viên Thường trực
30	TT. Thích Nguyên Thái (Nguyễn Thanh Phong)	1975	Ủy viên Thường trực
31	TT. Thích Thiện Thông (Trần Cả)	1977	Ủy viên Thường trực

32	TT. Thích Chiêu Hiền (Nguyễn Quang Hậu)	1972	Ủy viên Thường trực
33	TT. Thích Tâm Pháp (Lê Thành Tri)	1968	Ủy viên Thường trực
34	ĐĐ. Thích Trí Đức (Đỗ Thành Trung)	1981	Ủy viên Thường trực
35	NS. Thích Nữ Từ Thảo (Nguyễn Thị Gái)	1969	Ủy viên Thường trực kiêm Trưởng Phân ban Ni giới

II. Ủy viên: 60 vị

36	HT. Thích Thiện Hảo (Nguyễn Hùng Cường)	1962	Ủy viên
37	TT. Thích Tâm Chơn (Lê Hương)	1966	Ủy viên
38	TT. Thích Minh Vũ (Nguyễn Xuân Phong)	1967	Ủy viên
39	TT. Thích Nhuận Phước (Tô Văn Ân)	1968	Ủy viên
40	TT. Thích Tĩnh Tại (Nguyễn Văn Phương)	1969	Ủy viên
41	TT. Thích Hải Đạt (Trần Đức Giàu)	1976	Ủy viên
42	TT. Thích Minh Bảo (Đặng Văn Tiền)	1972	Ủy viên
43	TT. Thích Nguyên Sĩ (Nguyễn Thanh Liêm)	1969	Ủy viên
44	TT. Thích Minh Quang (Nguyễn Văn Nhiều)	1969	Ủy viên
45	TT. Thích Nhật Thiện (Nguyễn Hùng Phương)	1970	Ủy viên
46	TT. Thích Nguyên Bình (Huỳnh Công Bình)	1969	Ủy viên
47	TT. Thích Quảng Phổ (Võ Kim Sang)	1969	Ủy viên
48	TT. Thích Từ Tánh (Lê Công Bằng)	1970	Ủy viên

49	TT. Thích Tâm Hoa (Nguyễn Minh Tâm)	1970	Ủy viên
50	TT. Thích Thánh Biện (Phạm Hùng)	1970	Ủy viên
51	TT. Thích Pháp Luân (Nguyễn Tuấn Vân)	1971	Ủy viên
52	TT. Thích Thiện Chơn (Trần Văn Toa)	1972	Ủy viên
53	TT. Thích An Thường (Trương Thành Khải)	1967	Ủy viên
54	TT. Thích Minh Thanh (Lê Hùng Tâm)	1972	Ủy viên
55	TT. Thích Minh Bảo (Nguyễn Huy Phong)	1974	Ủy viên
56	TT. Thích Bửu Minh (Nguyễn Thanh Hiền)	1972	Ủy viên
57	TT. Thích Tâm Trụ (Hà Thôi)	1973	Ủy viên
58	TT. Thích Thiện Tạo (Võ Thành Vũ)	1973	Ủy viên
59	TT. Thích Minh Nhựt (Lê Văn Thái)	1974	Ủy viên
60	TT. Thích Hoằng Ninh (Nguyễn Tấn Lợi)	1974	Ủy viên
61	TT. Thích Huệ Trí (Võ Tấn Thành)	1974	Ủy viên
62	TT. Thích Giác Phương (Lê Bình)	1975	Ủy viên
63	TT. Thích Tịnh Huệ (Nguyễn Phước Minh)	1975	Ủy viên
64	TT. Thích Minh Chí (Lê Thành Sơn)	1975	Ủy viên
65	TT. Thích Vĩnh Tế (Phan Xuân Thịnh)	1976	Ủy viên
66	TT. Thích Minh Thuận (Trần Thái Hòa)	1976	Ủy viên

GIÁC
AN
G TRỤ
ƯƠNG
G TRỊ

67	TT. Thích Trí Thông (Đoàn Minh Phương)	1977	Ủy viên
68	TT. Thích Nhuận Hạnh (Trần Văn Trung)	1978	Ủy viên
69	TT. Thích Nguyên Trụ (Trần Văn Vũ)	1978	Ủy viên
70	TT. Thích An Trí (Nguyễn Văn Lành)	1978	Ủy viên
71	TT. Thích Huệ Tín (Nguyễn Văn Trực)	1979	Ủy viên
72	TT. Thích Nguyên Tuấn (Ngô Ngọc Anh)	1980	Ủy viên
73	TT. Thích Hạnh Danh (Lê Đình Tri Phương)	1981	Ủy viên
74	ĐĐ. Thích Minh Thật (Nguyễn Văn Thoàn)	1980	Ủy viên
75	ĐĐ. Thích Huệ Minh (Phạm Thanh Duy)	1980	Ủy viên
76	ĐĐ. Thích Thiện Châu (Huỳnh Văn Hải)	1981	Ủy viên
77	ĐĐ. Thích Minh Nghi (Trần Vũ Anh Quốc)	1982	Ủy viên
78	ĐĐ. Thích Thị Minh (Mai Thái Kim Long)	1983	Ủy viên
79	ĐĐ. Thích Minh Đạo (Nguyễn Văn Nhật)	1984	Ủy viên
80	ĐĐ. Thích An Nguyên (Lâm Hữu Hạnh)	1985	Ủy viên
81	ĐĐ. Thích Minh Ân (Nguyễn Hữu Nghĩa)	1990	Ủy viên
82	ĐĐ. Thích Huệ Nhật (Dương Vũ An)	1996	Ủy viên
83	NT. Thích Nữ Như Hiền (Nguyễn Thị Nguyệt)	1959	Ủy viên
84	NT. Thích Nữ Phấn Liên (Nguyễn Hà Xuân Duyên)	1962	Ủy viên
85	NT. Thích Nữ Quảng Đàm (Huỳnh Thị Hoa)	1962	Ủy viên

86	NT. Thích Nữ Huệ Tuyền (Lê Ngọc Lịch)	1964	Ủy viên
87	NS. Thích Nữ Lệ Thuận (Nguyễn Thị Kiều Nhi)	1960	Ủy viên
88	NS. Thích Nữ Như Nguyệt (Nguyễn Thị Thu Nguyệt)	1966	Ủy viên
89	NS. Thích Nữ Như Nguyệt (Nguyễn Thị Thu Hà)	1965	Ủy viên
90	NS. Thích Nữ Chúc Phương (Phan Thị Dung)	1968	Ủy viên
91	NS. Liễu Pháp (Dương Thanh Hương)	1967	Ủy viên
92	NS. Thích Nữ Như Hòa (Bùi Thị Ninh)	1971	Ủy viên
93	NS. Thích Nữ Nguyên Xuân (Trương Thị Ngọc Mai)	1974	Ủy viên
94	NS. Thích Nữ Quảng Châu (Nguyễn Thị Diễm My)	1972	Ủy viên
95	NS. Thích Nữ Quảng Trinh (Trần Thị Mỹ Lành)	1975	Ủy viên

III. Ủy viên dự khuyết: 10 vị

96	TT. Thích Tác An (Nguyễn Văn Tiếng)	1969	Ủy viên dự khuyết
97	TT. Thích Huệ Nghiêm (Nguyễn Hải Phong)	1973	Ủy viên dự khuyết
98	TT. Thích Tịnh Tâm (Lê Ngọc Hùng)	1970	Ủy viên dự khuyết
99	TT. Thích An Hòa (Nguyễn Thanh Trí)	1972	Ủy viên dự khuyết
100	TT. Thích Nguyên Các (Đình Quốc Khánh)	1978	Ủy viên dự khuyết
101	ĐĐ. Thích Minh Duy (Trần Hoàng Uyên Trinh)	1983	Ủy viên dự khuyết
102	ĐĐ. Thích Minh Tấn (Nguyễn Văn Tấn)	1980	Ủy viên dự khuyết
103	ĐĐ. Thích Hoàng Tâm (Huỳnh Trần Thức)	1991	Ủy viên dự khuyết



104	NS. Thích Nữ Như Minh (Huỳnh Thị Anh)	1966	Ủy viên dự khuyết
105	SC. Thích Nữ Thánh Tâm (Trương Thị Thu Hiền)	1975	Ủy viên dự khuyết

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**



Hoà thượng Thích Thiện Nhơn